



CÔNG TY CỔ PHẦN VNG/ VNG CORPORATION
ĐỊA CHỈ: 52 NGUYỄN NGỌC LỘC, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH
ADDRESS: 52 NGUYEN NGOC LOC, WARD 14, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016
ANNUAL REPORT FOR FISCAL YEAR 2016

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 4 NĂM 2017
HO CHI MINH CITY, APRIL 2017

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: VNG Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No.*: 0303490096
- Vốn điều lệ: 330.902.300.000 VNĐ (Ba trăm ba mươi tỷ chín trăm lẻ hai triệu ba trăm ngàn đồng)
Charter capital: VND330.902.300.000 (Three hundred thirty billion nine hundred two million three hundred thousand dong)
- Vốn chủ sở hữu: 2.881.141.395.767 VNĐ (Hai nghìn tám trăm tám mươi một tỷ một trăm bốn mươi một triệu ba trăm chín nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)
Owner's equity: VND2.881.141.395.767 (Two thousand eight hundred eighty-one billion one hundred forty-one million three hundred ninety-five thousand seven hundred sixty-seven dong)
- Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Address: 52 Nguyen Ngoc Loc street, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Số điện thoại/ *Telephone*: 08.38664666
- Số fax/ *Fax*: 08. 39624666
- Website: www.vng.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: Không có/ *Not applicable*

2. Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process*

- Công Ty Cổ Phần VNG (“Công Ty”/ “VNG”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303490096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9/9/2004 và thay đổi lần thứ 34 ngày 24/3/2017.
VNG corporation (“Company/VNG”) is duly established and existing under the laws of Vietnam with business registration number 0303490096 and firstly issued by Planning and Investment Department dated on 9/9/2004 and the 34th change on 24/03/2017.

- Kể từ ngày thành lập cho đến nay, Công Ty đã có những bước phát triển vượt bậc, từ một Công Ty chuyên về trò chơi trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam, cho đến hiện nay, là một trong những công ty công nghệ, giải trí, dịch vụ internet, sản xuất phần mềm hàng đầu tại Việt Nam. Công Ty đã và đang cung cấp cho cộng đồng các sản phẩm giải trí chất lượng cao như: cổng thông tin và giải trí Zing, mạng xã hội Zing Me, trang web nghe nhạc trực tuyến Zing Mp3, trang web giải trí trực tuyến Zingtv. Trong những năm gần đây, VNG đã mở rộng và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng cao ứng dụng trên điện thoại di động như: Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Brower... để phục vụ nhu cầu giải trí ngày càng cao tại Việt Nam.

Since establishment, the Company has dramatically developed from the first Vietnamese online gaming company to one of the best technology, entertainment, internet service, software development companies in Vietnam. The Company has provided to the community a wide range of entertainment products with high quality: Zing information and entertainment gate, Zing Mp3 online music website, Zingtv entertainment website. Recently, VNG has expanded and developed more high quality product on mobile platform – Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Brower to name a few, that are serving more and more demand of entertainment services in Vietnam.

- Ngày 29/01/2011, Công Ty đã được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
29/01/2011, the Company was approved to become a public company in accordance with official letter No. 80/CQĐD-NV issued by State Securities Commission of Vietnam.

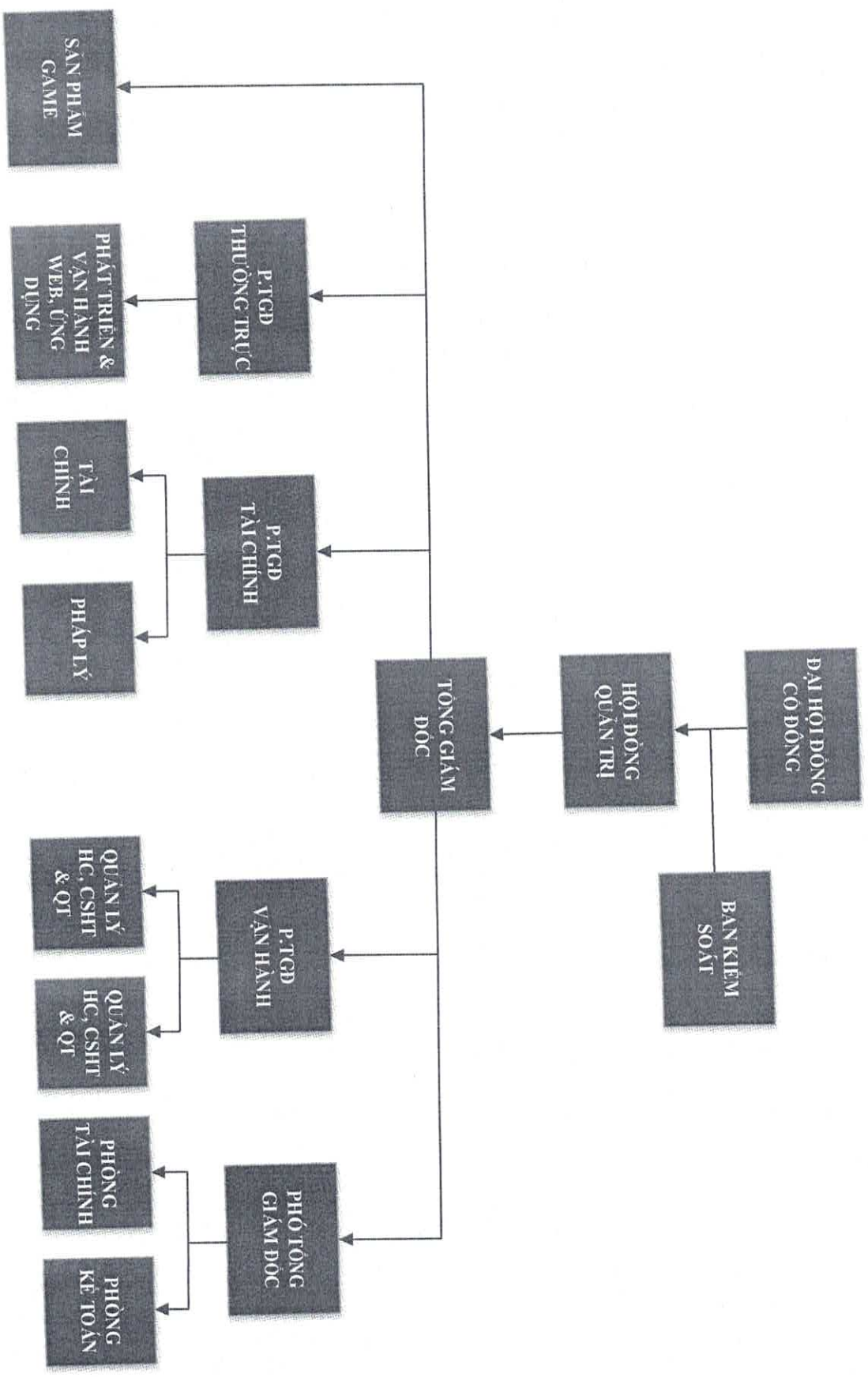
- Cùng với quá trình phát triển, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ của Công Ty đã không ngừng tăng lên. Từ ngày thành lập cho đến nay, vốn điều lệ của Công Ty đã tăng lên đáng kể, từ 15 tỷ đồng năm 2004 cho đến cuối năm 2017 vốn điều lệ Công Ty đã tăng lên hơn 330 tỷ đồng; điều này là một minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và bền vững của Công Ty.

Together with the development, to meet the need of capital for expanding business, Charter Capital of the Company has been growing, from 15 billion dongs in 2004 to

more than 330 billion dong in 2017, demonstrating the strong, fast and sustainable growth.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*
 - Ngành nghề kinh doanh chính/*Main business lines*:
 - Xuất bản phần mềm: sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm;
Software production: producing, advising and providing software;
 - Kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng/*Online gaming*
 - Quảng cáo thương mại/*Advertising*
 - Địa bàn kinh Doanh/ *Locations of business*: Toàn quốc/ *nation wide*.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*
 - 4.1 Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*



4.2 Công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:*

a) Công Ty con/*Subidiaries:*

TT	Thông tin công ty/ <i>Company information</i>
1	<p>Công Ty TNHH Zion/<i>Zion Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh. <i>Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ trung gian thanh toán. <i>Main business lines: intermediary payment services.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 80.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ.
2	<p>Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Và Phần Mềm Vi Na <i>Vina Technology & Software One Member Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hoà Lạc, km29 đường Láng Hoà Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội. <i>Address: High tech industrial park – Hoa Lac high tech park, km29 Lang Hoa Lac street, Ha Bang Commune, Thach That District, Ha Noi City.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê máy chủ, thông tin mạng và dịch vụ xử lý dữ liệu. <i>Main business lines: server leasing, online information and data processing.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 61.140.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ.
3	<p>Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na <i>Vi Na Net Services Joint Stock Company</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh. <i>Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông. <i>Main business lines: value-added services on mobile and internet.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 77.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 99,5% vốn điều lệ.

4	<p>Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na Vi Na Data Information Technology – Service Joint Stock Company</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Toà nhà Helios, Lô 6, đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh. <i>Address: Helios tower, Slot 6, Street 3, Quang Trung high-tech park, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin. <i>Main business lines: information technology services.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 180.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate</i>: 99,94% vốn điều lệ.
5	<p>Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG VNG Software Development Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh <i>Address: 182 Le Dai Hanh, Ward 15, District 11, Ho Chi Minh City.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và phát triển phần mềm các loại. <i>Main business lines: software production and development.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 60.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ.
6	<p>Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI EPI Joint Stock Company</p> <p>Địa chỉ: Tầng 5, ô D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội <i>Address: Floor 5, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông <i>Main business lines: Online advertisement services, website design, software and media technology</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 1.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ

7	<p>Công Ty TNHH VNG Online VNG Online Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Trung tâm Báo chí học đường Báo Sinh Viên Việt Nam – Lô đất D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội - <i>Address: Floor 7, Vietnamese Student Newspaper Center, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.</i> - Lĩnh vực sản xuất chính: cung cấp dịch vụ công thông tin; sản xuất phần mềm/ <i>Main business lines: provide services of information gate; software - production</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital: 1.000.000.000 VNĐ</i> - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 100% vốn điều lệ</i>
8	<p>Công Ty VNG Singapore Pte Ltd. VNG Singapore Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ/<i>Address: 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza 1, Singapore (048624)</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi. - <i>Main business lines: Develop, distribute softwares, devices and computer components; provide services related to software and after-sales</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital: 149.607.935.000 VNĐ</i> - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate: 99,94% vốn điều lệ.</i>
9	<p>Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 229 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng/ <i>Address: 229 Huynh Ngoc Hue St., Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang City</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông <i>Main business lines: value – added software on mobile and telecommunication network</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital: 3.800.000.000 VNĐ</i> - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate: 100% vốn điều lệ</i>

10	<p>Công Ty TNHH Giải Trí Long Đình Dragon Top Entertainment Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tầng 3, 76 Trần Đại Nghĩa, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội <p><i>Address: 3rd floor, 76 Tran Dai Nghia St., Dong Tam Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng <i>Main business lines: online gaming service.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital: 20.000.000.000VND</i> - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate: 100% vốn điều lệ</i>
11	<p>Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo Nguyen Bao Digital Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 73/17 Trần Khánh Dư, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng <p><i>Address: 73/17 Tran Khanh Du, My An Ward, Ngu Hanh Son District, Da Nang City</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến. / <i>Main business lines: Operate and distribute games online</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital: 10.000.000.000 VNĐ</i> - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 90% /vốn điều lệ/90% Charter Capital</i>
12	<p>Công ty TNHH Trung Tâm Dữ Liệu VNG VNG Data Center Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tòa nhà SBI, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, đường số 3, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. <p><i>Address: SBI building, Quang Trung Software City, street 3, Tan Chanh Hiep, District 12, Ho Chi Minh city, Vietnam.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực kinh Doanh chính: tư vấn máy tính và hệ thống quản lý máy tính <i>Main business lines: consultation of computer and computer system management</i> - Vand computer system <i>paid-in charter capital: 5.000.000.000 VNĐ</i> - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate: 100% / 100% Charter capital</i>

b) Công ty liên kết/*Associated companies*:

TT	Thông tin công ty
1	<p>Công ty All Best Asia Group Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Unit D11/F Wing Tat Comm Bldg 97 Bonham Strand East, Sheung Wan, Hongkong - <i>Address: Unit D11/F Wing Tat Comm Bldg 97 Bonham Strand East, Sheung Wan, Hongkong</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế phần mềm. <i>Main business area: Software design</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 14.684.400.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 50%
2	<p>Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn/ <i>Thanh Son Communication Services Trading Company</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 76, Trần Đại Nghĩa, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. - <i>Address: 76 Tran Dai Nghia, Dong Tam Ward, Hai Bai Trung Dist., Ha Noi.</i> - Lĩnh vực kinh doanh chính: kinh doanh thẻ trò chơi và điện thoại trả trước. <i>Main business lines: game card and prepaid mobiphone card.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 980.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 49%
3	<p>Công Ty Cổ phần Ti Ki <i>Ti Ki Corporation</i></p> <p>Địa chỉ: 29/1 Đường số 4, Khu phố 3, Phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Address: 29/1 Street 4, Quarter 3, Binh Khanh Ward, District 2, Ho Chi Minh City</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet <i>Main business lines: Retailing per order via post or internet</i></p> <p>Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 384.408.029.201VNĐ</p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 38%</p>

5. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Mục tiêu chủ yếu của Công Ty/ *Main objectives of the Company*: Phát triển thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực châu Á / *To become a successful internet company in Vietnam and Asia.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*:

Trong những năm sắp tới, bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công Ty sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm mới để phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dùng. Công Ty cũng sẽ đồng thời tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mang tính sáng tạo và giáo dục cao nhằm tạo ra các giá trị tích cực cho người dùng; điều chỉnh tỷ trọng cơ cấu doanh thu theo hướng đa dạng hoá sản phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu nhằm từng bước phấn đấu đưa VNG trở thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Châu Á.

In the years onward, together with traditional products, the Company will continue to develop more new products to better serve the customers's need. The Company will also concentrate on researching to develop the imaginative and educative products to create positive values for costumers; adjust revenue structure in a way of varying products for domestic and international serve to make VNG become the Top Internet Company in Viet Nam and Asia.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công Ty/*Objectives to environment, society and community of The Company*:

Với việc xác định sứ mệnh phát triển của công ty là “Phát triển Internet để thay đổi cuộc sống người Việt Nam”, VNG đã có nhiều hoạt động thường niên hướng đến môi trường, xã hội và cộng đồng bên cạnh việc tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển những sản phẩm thuần Việt. Mục tiêu của các hoạt động vì cộng đồng năm 2016 được xác định như sau:

The Company's developing mission is “Developing the Internet to change Vietnamese lives”, VNG has lots of annual activities toward environment, society and community besides concentrating on investing and researching, developing Vietnamese products. Activities' targets for community in 2016 was determined as following:

- 1- Thực hiện chuỗi chương trình thường niên “Đưa Internet về làng” nhằm tạo thêm cơ hội được tiếp cận máy tính cho thầy cô, học sinh vùng xa.
Conducting a succession of annual programs “Dua Internet ve lang” to give more opportunities to approach the computer for teachers, students in far eara.

- 2- Trao học bổng cho Quỹ khuyến học các trường học nằm trong những địa phương đang còn nhiều khó khăn nhằm hỗ trợ cho các em học sinh nghèo học giỏi phấn đấu hơn trong học tập.
Awarding scholarships to Encoragement Study Fund for some schools in locals which is still in difficulty to support poor students to strive more in study.

- 3- Thực hiện chương trình trao những phần quà Tết đến các gia đình chính sách, hộ nghèo
Conducting program of giving Tet presents to the households in low-income families.

- 4- Tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện của các quỹ từ thiện nhằm đồng hành với những hoạt động thiện nguyện hướng đến những đối tượng khó khăn cần được sự hỗ trợ.
Sponsoring for nonprofit activities of charity funds to travel with non-profit activities toward difficult people who need support.

- 5- Tổ chức những sự kiện giải trí hoặc thể thao nhằm tạo điều kiện cho giới trẻ Việt Nam được tiếp cận với những sự kiện mang tính thách thức cũng như được thỏa sức sáng tạo.
Organizing entertainment or sport events for Vietnamese youth to approach many challenging and creative events.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG mong muốn phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam được trải nghiệm những thách thức cũng như tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG wishes to develop education by Internet, to contribute a sustainable development of our country. Besides, we also create

environment for Vietnamese youth to experience challenges as well as freely create, connect to society.

6. Các rủi ro/*Risks:*

Một số rủi ro ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty:/*Risks affect Company's operating*

- Thay đổi chính sách về đầu tư và phát triển;/*Changes in policy of investment and development;*
- Thay đổi chính sách về quản lý hoạt động internet/*Changes in policy of Internet operating.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/Yearly Operations:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh Doanh/Context Production and business operations


- Kết quả hoạt động sản xuất kinh Doanh/ Results of business operations in the year:


Công ty Cổ phần VNG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại - Thuyết minh số 34)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	3.023.172.627.457	2.092.062.047.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(32.563.365)	(19.808.596)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	3.023.140.064.092	2.092.042.238.962
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.305.295.644.439)	(997.860.241.731)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.717.844.419.653	1.094.181.997.231
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	76.681.298.339	99.635.284.294
22	7. Chi phí tài chính	26	(3.227.906.205)	(6.928.890.443)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(89.707.991.184)	(3.806.470.132)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(520.356.210.128)	(475.997.590.701)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(368.284.470.740)	(343.290.166.556)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		812.949.139.735	363.794.163.693
31	12. Thu nhập khác	27	9.771.948.487	3.465.158.379
32	13. Chi phí khác	27	(148.996.304.195)	(57.777.267.744)
40	14. Lỗ khác	27	(139.224.355.708)	(54.312.109.365)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		673.724.784.027	309.482.054.328
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(147.542.303.864)	(71.826.069.686)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	17.283.955.250	(6.390.450.882)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		543.466.435.413	231.265.533.760
61	19. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		543.030.398.916	230.997.933.905
62	20. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	24	436.036.497	267.599.855
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	23.063	10.130
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	21.150	9.290


Nguyễn Thị Mỹ Dung
Người lập


Nguyễn Thị Mỹ Dung
Kế toán trưởng




Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*actual progress against the plan:*

Đơn vị: Đồng/ Unit: Dong

<i>Chỉ tiêu Target</i>	<i>Thực hiện Conduct</i>	<i>Kế hoạch Plan</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	3.023.140.064.092	2.564.397.418.294
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>	673.724.784.027	349.129.698.752
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	543.466.435.413	282.795.055.988

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- 2.1 Ban điều hành Công Ty gồm: Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp và Kế Toán Trưởng, với các thông tin chi tiết sau:
Management: Chief Executive Officer, Vice President, Chief Financial Officer, Corporate Development Director, Chief Accountant, with following informations:

i. Tổng Giám Đốc/*Chief Executive Officer*

- Họ và tên/*Full name:* Lê Hồng Minh/*Le Hong Minh*
- Giới tính/*Sex:* Nam/*Male*
- Ngày sinh/*Date of birth:* 27/09/1977
- Nơi sinh/*Place of birth:* Hà Nội
- CMND: 023161875; ngày cấp: 18/07/2009; nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
ID Card: 023161875; date of issue: 18/07/2009; place of issue: Ho Chi Minh City
- Địa chỉ thường trú: 1805 B khu căn hộ 126 Hùng Vương, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Residential address: 1805B Flat 126 Hung Vuong, Ward. 12, Dist. 5, Ho Chi Minh City

- *Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Đại học/University*
- *Chức vụ công tác hiện nay/Title: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc/ Chairman of BOD cum CEO.*
- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Ownership rate: 17,07%*

ii. *Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính/ Chief Financial Officer*

- *Họ và tên/ Full name: Shen Hao*
- *Giới tính/ Sex: Nam/ Male*
- *Ngày sinh/ Date of birth: 27/11/1974*
- *Nơi sinh/ Place of birth: Trung Quốc/ China*
- *Hộ chiếu số: KJ0317934; ngày cấp: 30/10/2013; nơi cấp: Hong Kong
ID Card: KJ0317934; date of issue: 30/10/2013; place of issue: Hong Kong*
- *Địa chỉ thường trú: Hong Kong/ Residential Address: Hong Kong*
- *Trình độ chuyên môn: Cao học Qualifications: Master's degree*
- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ Ownership rate: 1,20%*

iii. *Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực/ Executive Vice President*

- *Họ và tên/ Full name: Vương Quang Khải/Vuong Quang Khai*
- *Giới tính/ Sex: Nam/Male*
- *Ngày sinh/ Date of birth: 17/8/1979*
- *Nơi sinh/ Place of birth: Hà Nội /Hanoi*
- *CMND: 011846453; ngày cấp: 22/8/2002; nơi cấp: Công an Hà Nội
ID Card: 011846453; date of issue: 22/8/2002; place of issue: Ha Noi Police.*
- *Địa chỉ thường trú: 22 Ngõ 2 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Residential address: 22 Alley 2 Le Van HUU St., Ngo Thi Nham Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city, Viet Nam.*
- *Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cao học/Master's degree*
- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ Ownership rate: 1,14%*

- iv. Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành/ *Vice President of Operation*
- Họ và tên/ *Full name*: Nguyễn Hoàn Tiến/*Nguyen Hoanh Tien*
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 06/05/1975
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội/*Hanoi*
 - CMND: 011753243; ngày cấp: 21/2/2011; nơi cấp: Công an Hà Nội
ID Card: 011753243; date of issue: 21/2/2011; place of issue: Ha Noi Police.
 - Địa chỉ thường trú: Hà Nội, Việt Nam/ *Residential address: Ha Noi, Viet Nam*
 - Trình độ chuyên môn/*Qualifications*: Cao học/*Master's degree*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0,08%
- v. Phó Tổng Giám Đốc/ *Vice President, Finance*
- Họ và tên/ *Full name*: Huỳnh Mỹ Loan
 - Giới tính/ *Sex*: Nữ/ *Female*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 21/8/1973
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City*
 - CMND số: 023280563; ngày cấp: 26/08/2013; nơi cấp: CA. HCM
 - *ID Card: 023280563; date of issue: 26/08/2013; place of issue: Police Ho Chi Minh*
Địa chỉ thường trú: 553/4 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Residential address: 553/4 Tran Hung Dao St., District 1, Ho Chi Minh City
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Đại học/*University*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0,21%
- vi. Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp/ *Corporate Development Director*
- Họ và tên/*Full name*: Thomas Loc Herron
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 19/9/1971
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Đà Nẵng
 - Hộ chiếu số: 505889285; ngày cấp: 24/10/2014; nơi cấp: Hoa Kỳ
ID Card: 505889285; Date of issue: 24/10/2014; Place of issue: America
 - Địa chỉ thường trú: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/ *Address: 225 Ben Chuong Duong St., Ward Co Giang, Dist. 1, Ho Chi Minh City*
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Cao học/*Master's degree*

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0,04%

vii. Kế Toán Trưởng/ *Chief Accountant*

- Họ và tên/ *Full name*: Nguyễn Thị Mỹ Dung
- Giới tính/ *Sex*: Nữ/ *Female*
- Ngày sinh/ *Date of birth*: 02/07/1981
- Nơi sinh/ *Place of birth*: / Quảng Trị
- CMND số: 197104557; ngày cấp: 30/01/2011; nơi cấp: CA. Quảng Trị
ID card: 320948596; date of issue: 30/01/2011; place of issue: Police Quang Tri.
- Địa chỉ thường trú: Phường 1, Đông Hà, Quảng Trị.
Residential address: Ward 1, Dong Ha, Quang Tri
- Trình độ chuyên môn: Cao học/ *Qualifications: Master's degree*
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0%

Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in Senior Management team*: Không/No.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Investment activities, project implementation

- Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: chủ yếu là đầu tư mua sắm tài sản cố định/
mainly for buying fixed assets
- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, affiliates*:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty/ Company</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu Possessive rate (%)</i>	<i>Giá trị đầu tư (VNĐ) Investments</i>	<i>Lợi nhuận/Lỗ (VNĐ)/ Profit/Loss</i>
1	Công ty TNHH một thành viên công nghệ và phần mềm ViNa/ <i>VINA Technology & Software One Member Company Limited</i>	100	61.140.000.000	21.808.322.679
2	Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG/ <i>VNG Software Development Company</i>	100	60.000.000.000	169.505.850.053

	<i>Limited phần mềm VNG/VNG Software Development Company Limited</i>			
3	Công ty cổ phần dịch vụ - dữ liệu công nghệ thông tin Vi Na/ <i>Vi Na Data Information Technology –</i>	99.94	187.100.000.000	95.632.256.825
4	Công ty cổ phần dịch vụ mạng Vi Na/ <i>VI NA Services Joint Stock Company</i>	99.5	124.073.818.913	109.863.029
5	Công ty TNHH Zion <i>Zion Company Limited</i>	100	60.075.000.000	(29.150.811.799)
6	Công ty cổ phần công nghệ EPI <i>EPI Technologies Joint Stock Company</i>	98.92	51.433.844.903	37.738.065.852
7	Công ty TNHH VNG Online <i>VNG Online Company Limited</i>	100	1.000.000.000	5.318.602.218
8	All Best Asia Group Limited	50	14.684.400.000	-
9	Công ty TNHH thương mại dịch vụ truyền thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Services Trading Company Limited</i>	49	980.000.000	7.420.612.507
10	Công ty TNHH truyền thông Minh Phương Thịnh <i>Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</i>	100	3.800.000.000	27.352.073.082
11	VNG Singapore Pte. Ltd	99.94	149.607.935.000	(49.105.472.144)
12	Công ty TNHH Giải Trí Long Đình/ <i>Dragon Top Entertainment Company Limited</i>	100	20.000.000.000	45.114.669.566
13	Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyễn Bảo	100	10.000.000.000	23.243.138.619

	<i>Nguyen Bao Digital Company Limited</i>			
14	Công Ty cổ phần trực tuyến BP / <i>BP Corporation</i>	100	500.000.000	(109.262.186)
14	Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu VNG / <i>VNG Data Center</i>	100	5000.000.000	9.932.809
14	Công ty cổ phần Tiki	38	384.408.029.201	(40.708.929.077)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/ *Finance situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	2.711.721.235.446	3.507.764.866.065	29%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	2.092.042.238.962	3.023.140.064.092	45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	324.056.051.721	812.949.139.735	151%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(54.312.109.365)	(139.224.355.708)	157%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	309.482.054.328	673.724.784.027	118%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	231.265.533.760	543.466.435.413	135%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>(Short term Asset/Short term debt)</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i></p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i></p>	4.82	4.00	
	4.81	3.98	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>(Debt/Owners' Equity ratio)</i></p>	0.14	0.18	
	0.17	0.22	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i></p> <p>+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản <i>(Net revenue/ Total Assets)</i></p>	175	132	
	0.77	0.86	

4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0.11	0.18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0.10	0.19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0.09	0.15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0.15	0.27	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, changes in the owner's equity:*

a. Cổ phần/*Shareholder:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 26.686.994 cổ phần, trong đó:

Total outstanding shares: 26.686.994 shares, including:

- ✓ Cổ phần phổ thông/*Ordinary shares: 26.686.994*
- ✓ Cổ phần ưu đãi biểu quyết/*Voting Preference shares: 0*
- ✓ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/*freely transferable shares: 24.989.979*
- ✓ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng/*locked-up shares: 1.697.015*

b. Cơ cấu cổ đông/ *Shareholder's structure*

TT	Tiêu chí/Criteria	Số lượng cổ phần <i>Amount of shares</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Possessive rate (%)</i>
1	Cổ đông lớn/ <i>Major shareholders</i>	18.283.240	55,25%
	Cổ đông nhỏ/ <i>Minor shareholders</i>	8.403.754	25,40%
2	Cổ đông tổ chức/ <i>Organization shareholders</i>	17.006.255	51,39%
	Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	9.680.739	29,26%
3	Cổ đông trong nước/ <i>Domestic shareholders</i>	11.915.761	36,01%
	Cổ đông nước ngoài/ <i>Foreign shareholders</i>	14.771.233	44,64%
4	Cổ đông nhà nước/ <i>Governmental shareholders</i>	0	0%
	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	26.686.994	80,65%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital investments changes:*
 Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm 2016/ *Capital increaseses in 2016:*

Thời gian <i>Time</i>	Nội dung tăng/ <i>Content</i>	Vốn cổ phần (VNĐ)/ <i>Share capital (VNĐ)</i>
31/08/2016	Tăng vốn theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động	330.902.300.000 VNĐ

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 6.403.236 cổ phiếu
Trade treasury share: number of current treasury shares: 6.403.236 shares.

Thời điểm thực hiện giao dịch <i>Trading time</i>	Giá giao dịch <i>Prices</i>	Đối tượng giao dịch <i>Counter parties</i>
Không có/ <i>No</i>	0	0

e. Các chứng khoán khác/ *Others share: không có/Not applicable.*

Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác: không có

Number, feature of others floating share and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers): Not applicable.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Report related impact of the Company on the environment and society

- 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials: không có/Not applicable*
- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*
 - b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the rganization.*
- 6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*
- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly: 2,456,371.0 Kwh*
 - b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy: không/No.*
 - c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: không/No.*
- 6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year): công ty chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt của nhân viên/the Company only provide water for staff.*
- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used: không/Not applicable.*
 - b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused: không/Not applicable.*

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không có/No*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có/No*

7. Nguồn nhân lực/ *Organization and Human resource*

7.1 Số lượng người lao động/ *Quantity of Labour:*

Trình độ/ Level	Số lượng (người)/ Quantity (people)	Tỷ lệ (%) / Rate (%)
Trên đại học/ <i>Upper university</i>	108	5.8
Đại học/ <i>University</i>	1591	86.0
Cao đẳng, trung cấp/ <i>College</i>	102	5.5
Khác/ <i>Others</i>	50	2.7
TỔNG CỘNG/ TOTAL	1851	100.0

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2016: 13.050.000 VNĐ/người/tháng.
Per capita income in 2016: VND 13.050.000/person/month.

7.2 Chính sách lao động/ *Employee's policies:*

VNG không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp của Công Ty, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu vì sự phát triển của Công Ty, thể hiện qua các chính sách của Công Ty:

VNG always improves the environment, working conditions to enhance the physical and spirit life for VNG workforce through constructing and consolidating the Corporate Culture, making a great motivation to dedicate and have strong relationship for the development of Company, which are expressed in Company's policies:

- a) Chính sách đãi ngộ: Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí bình đẳng, minh bạch và tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.
Từ năm 2013, VNG đã thực hiện chính sách đãi ngộ mới, đảm bảo 100% người lao động biết được chế độ khen thưởng của Công Ty, mức khen thưởng của mình dựa trên kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.
Treating policy: this policy was based on basic of equality, transparency and deserved with the results and quality of work.
Since 2013, VNG has applied a new treating policy, 100% employee knew about award policy of the Company, bonus level of each individual to motivate and encourage to each individual.

Hệ thống đãi ngộ VNG được phân thành 4 loại, gồm: *VNG's treating system is classified into 4 groups:*

- Lương: lương sản xuất, kinh doanh (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp Tết Nguyên Đán;
Salary: production salary, business salary (12 months); the 13rd month salary on Tet holidays;
- Phụ cấp: phương tiện vận chuyển, chi phí điện thoại, thiết bị truy cập không dây, phụ cấp kiêm nhiệm...
Allowances: vehicles, mobile expenses, wireless devices, functional allowences...
- Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào dịp thành lập Công Ty;
Bonus: depend on business results, achievements of projects/ jobs; bonused on the foundation day of Company;
- Phúc lợi xã hội: Bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động và người thân; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, xây dựng đội nhóm...
Social welfare: Social/ health/ unemployment insurances, health/ accident insurance for staffs and relative; periodical health care and teambuilding policty...

- b) Chính sách thăng tiến: VNG luôn chú trọng đến chính sách thăng tiến nhằm tạo điều kiện cơ hội, môi trường và chế độ cho các nhân sự tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của người lao động tiềm năng đã được ban hành và duy trì thực hiện tốt

như: chính sách quy hoạch nhân sự nòng cốt; chính sách luân chuyển lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Promotion policy: VNG concentrates on promotion policy to make opportunities, environment for potential personel. A wide range of promotion policies was promulgated and remained such as: core member policy; alternating manager policy; appointment, dismissal equally and transparently.

Bên cạnh đó, VNG còn xây dựng các chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng và khen thưởng tương xứng với người phát hiện, giới thiệu thành công các vị trí nhân sự phù hợp.

Besides, VNG forms policies on finding, attracting, training, treating deservedly for talent individual and awards for those who found them.

- c) Chính sách đào tạo: thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo VNG khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc mà còn qua đào tạo, tự đào tạo, trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc VNG có riêng một Bộ phận phát triển đào tạo chuyên nghiên cứu, thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ và nhân viên. VNG khuyến khích các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo nội bộ. Cán bộ nhân viên khi tham gia các chương trình đào tạo được Công Ty tài trợ toàn bộ chi phí học tập, tài liệu, đi lại và ăn ở.

Training policy: usually holding the train and re-train programs: VNG encourages best conditions for staff to develop completely professional qualifications and soft skills not only in working but also in training, self – training, knowledge exchanging. This shows that VNG has Development Training Department to research, hold the train and re-train programs to enhance the managing qualifications professionals. VNG encourages the outsource training and internal self-training programs. Staff are sponsored studying, including: document, travelling and accommodation expense.

Một số chương trình đào tạo chính của VNG/ *Some of VNG's training programs:*

- Đào tạo định hướng cho người lao động mới: 100% nhân viên mới gia nhập Công Ty được tham gia khóa đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của VNG;

Orientation training for new staff: 100% new staff are joined the orientation training to get familiar with the work and understand core value of Company.

- Đào tạo công nghệ: thường xuyên tổ chức đào tạo, cập nhập từng xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo;

Technology training: often training, updating new technology trend, training staff to take high technology certificates test on top technology for tech staff to be enhance the professional skills and creativity.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: chú trọng và khuyến khích nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc;

Specialization training: concentrating and encouraging staff to be trained higher level on professional knowledge, specialization skills to adapt the job requirements.

- Đào tạo kỹ năng bổ sung: 100% nhân viên được khuyến khích tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm và ngoại ngữ để kịp thời đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập;

Supplementary skill training: 100% staff are encouraged to join soft skill and language training to adapt global development and integration.

- Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: ưu tiên nguồn lực để đào tạo nhân sự nòng cốt trở thành lực lượng quản lý lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển của toàn tập đoàn.

Training the next generation: Prioritizing resources to train employees to become the core management forces, to serve the development needs of the Company.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

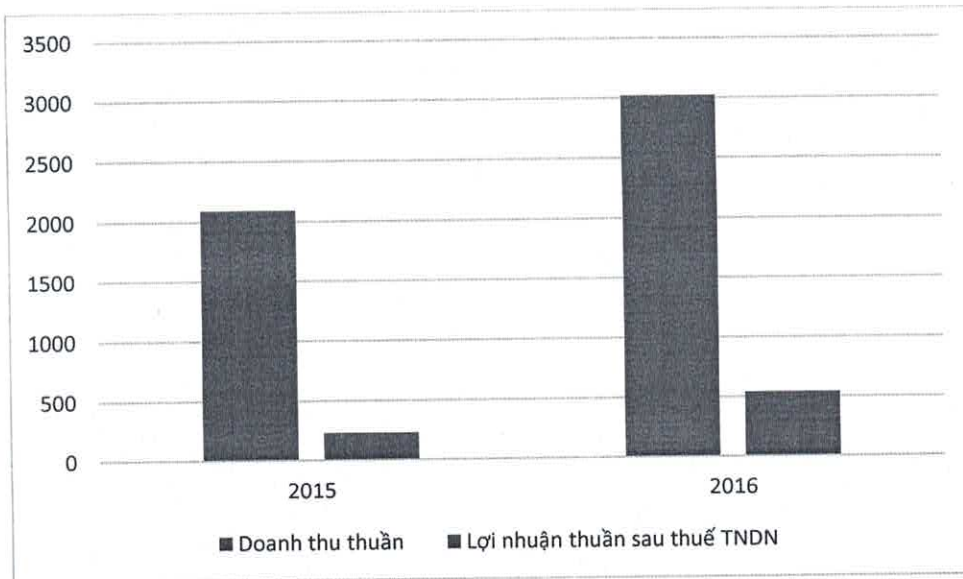
Report and assessment of the Senior Management Team

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

Với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động trong năm qua, VNG đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau: *Through fluctuating economic status of the world and Vietnam for years, VNG has made lots of effort and achieved business operation results as follow:*

Đơn vị: tỷ đồng/ Figures in: Billion Dongs

CHỈ TIÊU TARGET	2015	2016	So sánh năm 2016 và 2015 Compare between 2016 and 2015 Tăng/Giảm /Increase/Decrease (%)	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>/Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	2.092	3.023	931	45%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>/Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	1.054	1.717	663	63%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>	309	674	365	118%
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	231	544	313	136%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ/ <i>Net profit (loss) after tax attributable to non-controlling interests</i>	230	543	313	136%



Những thành tựu Công Ty đã đạt được/*The Company's achievements:*

- Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực.
Build and operate management system, assess and develop human resources.
- Đầu tư nghiên cứu phát triển vận hành sản xuất và phát hành trò chơi (game) ra thị trường quốc tế.
Invest in developing operation – manufacturing and delivery game to international market.
 - Phần mềm trò chơi Dead Target: được đề cử trong danh sách Editor's Choice của Google Play;
Dead Target Game Application: nominated in the Editor's Choice's list of Google Play;
 - Zalo: đạt mốc 2 triệu người dùng đầu tiên tại thị trường Myanmar;
Zalo: Zalo first achieved the point of 2 million users at Myanmar's market;
 - Game Sky Garden: nhận giải thưởng People's Choice Award tại sự kiện IMGA (International Mobile Gaming Awards) khu vực Đông Nam Á.
Game Sky Garden: received People's Choice Award at IMGA (International Mobile Gaming Awards), Southeast Asia region.
- Định vị thành công một số các thương hiệu lớn cho sản phẩm Công Ty gồm các dòng sản phẩm nội dung số, giải trí trực tuyến và Ứng dụng nhắn tin & gọi điện miễn phí...

Successfully found new strong brands include digital content, entertainment and message application to provide free messages and calls.

- Hoàn thiện công tác quản trị Công Ty và minh bạch hoá thông tin qua việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Improve Corporate management and make the information transparent by registering to become Public Company, and comply with laws and regulations of publishing information strictly.

- Khai thác hiệu quả các nguồn khách hàng của Công Ty và tập đoàn.

Exploit effectively customer sources of Company and Corporation.

- Xây dựng các chương trình phối hợp trong bán hàng, marketing và chăm sóc khách hàng; nghiên cứu phát triển nhằm tăng lượng khách hàng đáng kể trong năm và trong tương lai.

Build programs of co-operating in selling, marketing, customer services; make researches in order to increase customer in the year and future.

- Phối hợp hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu và tiếp cận các thị trường mới, khách hàng mới.

Co-operate effectively in research activities and approaching new markets, new customers.

- Tận dụng và linh hoạt trong việc điều phối các nguồn tài chính giữa các công ty thành viên nhằm tối ưu hoá lợi ích.

Salvage and flexible in co-ordinating financial sources between member companies in order to optimize benefits.

- VNG Ironman 70.3 Việt Nam: VNG là nhà tài trợ chính năm thứ 2 liên tiếp. Sự kiện thu hút số lượng vận động viên kỷ lục với 1.146 thí sinh đại diện cho 60 quốc gia (trong đó 176 VĐV Việt Nam).

VNG Ironman 70.3 Vietnam: VNG was the main sponsor for the 2nd consecutive years. The event attracted a record number of athletes with 1,146 candidates representing 60 countries (176 Vietnamese athletes among them).

- VNG được VINASA bình chọn trong top 50 doanh nghiệp Công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam 2016.

VNG was voted to be on the top of 50 best Information Technology enterprises in Vietnam in 2016.

2. *Tình hình tài chính/Financial Situation*
Tình hình tài sản/Assets

Công ty Cổ phần VNG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		626.623.470.298	389.263.178.752
310	I. Nợ ngắn hạn		616.436.399.229	369.703.283.298
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	93.241.053.775	131.096.755.184
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	1.744.730.515	2.868.855.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	124.045.895.228	37.466.463.128
314	4. Phải trả người lao động		1.981.121.631	3.745.734.327
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	358.888.021.709	177.872.065.446
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	15.535.883.190	7.001.412.783
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	20.999.693.181	9.651.996.833
330	II. Nợ dài hạn		10.187.071.069	19.559.895.454
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	265.000.000	50.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	1.599.312.420	11.752.671.560
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	8.322.758.649	7.757.223.894
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.881.141.395.767	2.322.458.056.694
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.881.141.395.767	2.322.458.056.694
411	1. Vốn cổ phần	23.1	330.902.300.000	324.927.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	504.346.370.853	500.524.140.853
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.1	(1.653.804.409.468)	(1.653.804.409.468)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.1	15.045.227.846	9.614.694.186
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	3.683.790.257.554	3.139.993.115.181
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.139.993.115.181	2.908.995.181.276
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay		543.797.142.373	230.997.933.905
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	861.648.982	1.203.185.942
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.507.764.866.065	2.711.721.235.446

Nguyễn Thị Mỹ Dung
 Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Dung
 Kế toán trưởng



Trần Hồng Minh
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Tình hình nợ phải trả/Liabilities

Đơn vị: Đồng/ Figures in: Dong

<i>Nguồn vốn/ Equity</i>		<i>Năm 2016</i>
NỢ PHẢI TRẢ/ Liabilities		
<i>I.</i>	<i>Nợ ngắn hạn/ Short-term liabilities</i>	616.436.399.229
1.	Phải trả người bán/ <i>Trade creditors</i>	93.241.053.775
2.	Người mua trả tiền trước/ <i>Deferred revenue</i>	1.744.730.515
3.	Thuế phải nộp Nhà nước/ <i>State tax</i>	124.045.895.228
4.	Phải trả người lao động/ <i>Pay workers</i>	1.981.121.631
5.	Chi phí phải trả/ <i>Accrued expenses</i>	358.888.021.709
6.	Các khoản phải trả ngắn hạn khác/ <i>Other short-term payables</i>	20.999.693.181
7.	Doanh thu chưa thực hiện/ <i>Unrealized revenue</i>	15.535.883.190
<i>II.</i>	<i>Nợ dài hạn/ Long-term liabilities</i>	10.187.071.069
1.	Nợ dài hạn khác/ <i>Other long-term liabilities</i>	265.000.000
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả/ <i>Deferred income tax payable</i>	1.599.312.420
3.	Dự phòng phải trả dài hạn / <i>Long – term provision</i>	8.322.758.649

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, management: không/Not applicable.*

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):* nhìn chung Công Ty đã tích cực hạn chế lãng phí điện, nước, nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi

trường/ *The Company generally have positively limited wasting in electricity, water and raising awareness of employees about energy-saving for environmental protection.*

- b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Một trong những sứ mệnh của Công Ty là thay đổi cuộc sống người Việt, Công Ty luôn xem trách nhiệm với cộng đồng và hướng Người VNG có trách nhiệm với cộng đồng qua những hoạt động mà Công Ty đồng hành. Một vài sự kiện tiêu biểu như sau/ *One of Company missions is to change Vietnamese lives, VNG always take it seriously responsibility with the Community and encourage VNG people to take responsibility to the Community that we live in through lots of activities and events to name a few:*

Tháng 12, 2016/December 2016

- Internet Day 2016: VNG là nhà tài trợ chính, CEO Lê Hồng Minh tham dự với tư cách diễn giả. Sự kiện do Hiệp hội Internet Việt Nam (VIA) tổ chức, với chủ đề “Sự đóng góp của nội dung số cho nền kinh tế Internet”.
- *Internet Day 2016: VNG was the main sponsor, CEO Le Hong Minh participated as a speaker. This event was organized by Vietnam Internet Association with the main subject: “How digital content contributes to the Internet economy”.*
- “Đưa Internet về làng”: VNIF phối hợp cùng Đoàn thanh niên Văn phòng Chính phủ trao tặng 5 bộ máy vi tính cho trường học ở Lạng Sơn.
- *“Dua Internet ve lang”: VNIF cooperated with the Youth Union of Government office to reward 5 computers for a school in Lang Son.*

Tháng 11, 2016/November 2016

Zalo: Bộ Y tế phối hợp với Zalo thực hiện dự án “sổ tiêm chủng” tại apps Zalo: Bộ Y tế.

Zalo: Ministry of Public Health cooperated with Zalo to implement Project “Vaccinations’ book” at Zalo apps: Ministry of Public Health

Tháng 10, 2016/October 2016

- Diễn đàn kinh doanh thường niên của Forbes Việt Nam 2016: CEO Lê Hồng Minh đã góp mặt với tư cách diễn giả chia sẻ với chủ đề của sự kiện - “Vượt qua Thử thách”, cùng những nhà lãnh đạo hàng đầu của chính phủ và giới doanh nghiệp trong nước.
Annual Business Forum of Forbes Vietnam 2016: CEO Le Hong Minh participated in as a speaker with the subject: “Embracing challenges”, together with top leaders of the government and domestic Entrepreneurs.
- Sự kiện sinh nhật VNG11+1 Forever One: Văn phòng HCM quyên góp 790 triệu đồng trao tặng quỹ Operation Smile.
VNG Birthday event VNG11+1 Forever One: HCM Office donated 790 million dong for the Operation Smile Fund.
- “Đưa Internet về làng”: VNIF phối hợp cùng Quỹ Tấm Lòng Vàng báo Lao Động và Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận trao tặng 10 bộ máy vi tính cho trường tiểu học tỉnh Bình Thuận.
“Dua Internet ve lang”: VNIF cooperated with “Tam Long Vang” Fund of Labour Newspaper and Binh Thuan General Confederation of Labour awarded Binh Thuan Primary School 10 computers.

Tháng 9, 2016/September 2016

- “Đưa Internet về làng”: VNIF phối hợp cùng Quỹ vì trẻ em trao tặng 10 bộ máy vi tính cho trường học tại tỉnh Thái Bình.
“Dua Internet ve lang”: VNIF cooperated with “Vi the em” Fund to award 10 computers for schools in Thai Binh.

Tháng 7, 2016/July 2016:

- “Đưa Internet về làng”: VNIF phối hợp cùng Văn phòng Chính phủ, hỗ trợ 10 bộ máy tính cho trường THCS tỉnh Tuyên Quang.
“Dua Internet ve lang: VNIF cooperated with the Government Office, supported 10 computers for the secondary school in Tuyen Quang.

Tháng 5, 2016/May 2016

- Hoạt động vì biển đảo: VNIF tài trợ và cùng đoàn nhân viên VNG tham gia chuyến thăm các đảo tại quần đảo Trường Sa.
Activities for the Ocean: VNIF sponsored and VNG Employees visited Truong Sa Islands.

Tháng 4, 2016/ April 2016:

- Champion Dash: VNG là team có đông thành viên nhất tham gia sự kiện.
- *Champion Dash: VNG was the team which had most members at the event.*

Tháng 3/2016/March 2016:

- Chương trình STEM TP.HCM: VNG là nhà tài trợ bạc, ủng hộ cho mô hình giáo dục STEM, là cách tiếp cận mới của thế giới trong dạy và học trong đó tích hợp nội dung và kỹ năng khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học được tổ chức thường xuyên từ cấp trường đến cấp quốc gia tại nhiều nước Âu, Mỹ.
sHCM City STEM Program: VNG was a silver sponsor, supported for STEAM educational pattern which is a new method to access to teaching and studying. STEAM integrated the content and skills of science, technology, engineering and mathematics and was held regularly from school to national in many European countries and the United States of America.

Tháng 2, 2016/February 2016:

- Các chương trình xã hội, thanh niên (Xuân tình nguyện, Lễ thắp nến tri ân các anh hùng liệt sĩ): VNIF tham gia và tài trợ với giá trị 45 triệu đồng.
Social, youth programs (Volunteer Spring, Candle Light Ceremony to tribute martyrs: VNIF participated in and sponsored 45 million dong.
- Hoạt động dân sinh: VNIF phối hợp với Quỹ Vì người nghèo xã Bình Lợi, tài trợ xây nhà tình thương, giá trị 50 triệu đồng.
Community Activity: VNIF cooperated with "Vi nguoi ngheo" Fund at Binh Loi Village, sponsored love house valued at 50 million dong.

Tháng 1, 2016/Januray 2016

Hoạt động dân sinh: VNG tài trợ và tham gia khánh thành 2 cây cầu dân sinh ở huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.

Community activity: VNG sponsored and participated in opening 2 bridges in Giong Rieng, Kien Giang District.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công Ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation:*

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế vĩ mô, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban tổng giám đốc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm và kiên định mục tiêu giữ vững tốc độ tăng trưởng cho Công Ty. Kết thúc năm tài chính 2016, tổng doanh thu của VNG đạt 3.023 tỷ đồng.

In the economic crisis context, the Board of Directors have supervised and combined closely together with Senior Management team in business activities from the beginning of the year and steadfast developing speed. At the end of financial year 2016, VNG's total revenue is 3.203 billion Dongs.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG đã đạt được mục tiêu đề ra là góp phần phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững và tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG has achieved targets in contribution to develop education by Internet, to contribute a sustainable development of our country and create environment for Vietnamese youth to freely create, connect to society.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Giám Đốc/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Ban giám đốc đã điều hành và giám sát mục tiêu, kế hoạch cho năm để tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để không chỉ hoàn thành mà còn vượt mục tiêu đã đề ra.

The Board of Directors has monitored and follow the objectives and plans for the year, to maximize the available resources and led the staff not only to complete but also over the proposed objectives.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors:*

Nằm trong lộ trình triển khai chiến lược đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động và sản phẩm nhằm sử dụng toàn bộ nguồn lực và lợi thế của một công ty internet hàng đầu tại Việt Nam, với mục tiêu tập trung quản lý để huy động sức mạnh hợp lực tối đa dựa trên nền tảng công nghệ, Công Ty đã thúc đẩy và tạo những bứt phá trong tăng trưởng sản phẩm và cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao cho xã hội.

Stay in the strategic roadmap for diversificating field work and products with the purpose of using the human resources and the advantages of a leading Internet company in Viet Nam, target to concentrate on managing to mobilize the maximum synergy based on technology, Corporation has promoted spectacularly in strengthening products and providing more and more good – quality products.

IV. Báo cáo tài chính/ *Financial Statements*

Ý kiến kiểm toán/ *Audit opinions*



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1073-2014-004-1

Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 2759-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 19 tháng 4 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICIER



LÊ HỒNG MINH

